TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc

Bản án số: 24/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 05 - 4 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
-*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Công Bằng
-*Các hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Trần Văn Hưng
2. Ông Nguyễn Văn Trước

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thu –Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Bà Dương Thị Ngọc Hương – Kiểm sát Viên

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 26/ 2018/ TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018, về việc " Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ngọc C, sinh năm: 1979
Địa chỉ: Số 7/1, ấp Q, xã N, huyện H, tỉnh L.
Địa chỉ tạm trú: Số 159/80, Nguyễn Thị Minh Khai, phường 1, thành phố L, tỉnh L.

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1973
Địa chỉ: Số 7/1, ấp Q, xã H, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc C trình bày:

Vào năm 2004 chị và anh Nguyễn Ngọc H tiến đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh L, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển 01 vào ngày 10/01/2006.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2015 phát sinh mâu thuẩn, thường xuyên cải vã, được gia đình hai bên nhắc nhỡ nhiều lần, nhưng mâu thuẩn ngày càng trầm trọng. Từ năm 2015 chị về sinh sống tại số 159/80, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 1, thành phố L, tỉnh L, sống ly thân

với anh H cho đến nay. Đến tháng 2/2017 chị có khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H, nhưng vì thương con và anh H hứa sửa đổi nên chị đã rút đơn khởi kiện.

Sau khi rút đơn khởi kiện anh H không thay đổi thường xuyên qua lại với người phụ nữ khác. Tình cảm giữa chị và anh H không thể hàn gắn được. Chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh D, sinh ngày 21/01/2007 và Nguyễn Ngọc Khánh H, sinh ngày 11/10/2012. Hiện đang chung sống với anh H. Khi ly hôn chị đồng ý giao 02 con cho anh H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

-Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H vắng mặt trong các phiên hòa giải. Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/3/2018 anh H trình bày: Qua quen biết anh và chị C tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Tuy nhiên cũng có nhiều cải vã, bất đồng. Từ năm 2016 chị C sống ở phường 1, thành phố L, tỉnh L, thỉnh thoảng cũng có về nhà. Mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, anh vẫn còn thương vợ và muốn con anh có cha mẹ chăm sóc đầy đủ nên không đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh D, sinh ngày 21/01/2007 và Nguyễn Ngọc Khánh H, sinh ngày 11/10/2012. Hiện đang sống với anh. Anh không đồng ý ly hôn nên về con chung anh không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, Về nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

-Ý kiến của cháu Nguyễn Ngọc Khánh D: Cháu là con ruột của chị C, anh H. Cháu không muốn cha mẹ ly hôn, cháu muốn cha mẹ đoàn tụ nên không có ý định chọn sống với ai. Hai năm nay cháu sống với anh H, hàng ngày anh H là người đưa rước cháu đi học.

-Ý kiến của các đương sự tại phiên Tòa:

Chị C trình bày: Do anh H không chung thủy và có người phụ nữ khác bên ngoài nên không còn quan tâm đến chị, nhiều lần chị thấy anh H đi với người phụ nữ khác, cũng có lần chị bắt gặp tại bến phà, hai bên cũng đã xảy ra xô xác, tại phiên tòa anh H không thừa nhận, chị không có chứng cứ cụ thể, nhưng chị cho rằng lời trình bày của chị là sự thật. Chị và anh H ly thân đã lâu, hiện nay không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu ly hôn.

Anh H trình bày: Việc chị C nói anh có người phụ nữ khác bên ngoài là hoàn toàn không đúng. Đó chỉ là sự hiểu lầm, người mà chị C gặp ở bến phà là người bạn của anh, hoàn toàn không có tình cảm với nhau. Anh không biết được lý do gì chị C yêu cầu ly hôn với anh.

-Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án:

+Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ

thẩm vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định.

+Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân & Gia đình năm 2014. Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/UBNTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Ngọc Khánh D và Nguyễn Ngọc Khánh H cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung; Về nợ chung: chị C và anh H không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Buộc chị C nộp tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh H tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 10 tháng 01 năm 2006. Do đó hôn nhân của chị C và anh H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xét thấy hôn nhân là phải trên cơ sở tự nguyện. Mục đích hôn nhân là đem lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau chung sống, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, vun vén cho hạnh phúc gia đình. Trong thời gian chung sống giữa chị C và anh H có nhiều bất đồng, cải vã không thể giải quyết được. Chị C và anh H đều thừa nhận. Nhưng theo anh H cho rằng mâu thuẫn đó không đến mức trầm trọng phải ly hôn. Còn chị C trình bày mâu thuẫn đã trầm trọng, xuất phát từ việc anh H không chung thủy, không quan tâm đến chị. Vì vậy chị không thể chung sống với anh H được nữa nên mới quyết định sống ly thân từ nhiều năm nay. Chị đã cố gắn khắc phục để xây đắp lại hạnh phúc gia đình nên vào tháng 2/2017 mặc dù đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H. Nhưng vì còn thương con và muốn đoàn tụ với anh H nên đã rút lại đơn yêu cầu ly hôn. Đến nay tình trạng hôn nhân không thể kéo dài được nữa. Nhiều năm nay chị và anh H đã ly thân, cho thấy tình cảm của chị C đối với anh H không còn. Mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị vẫn bảo lưu ý kiến là được yêu cầu ly hôn với anh H.

Từ những phân tích trên. Cho thấy việc chị C yêu cầu ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung: Do anh H không đồng ý ly hôn với chị C nên anh không có ý kiến về việc nuôi con. Hai năm nay cháu D cháu H chung sống với anh H, hàng ngày được anh H đưa rước hai cháu đi học. Cho thấy anh H là một người cha tốt, có trách nhiệm với hai con. Chị C đồng ý giao hai con cho anh H nuôi dưỡng. Để tránh xáo trộn đến sinh hoạt hàng ngày và việc học tập, ảnh hưởng đến tâm sinh

lý của hai cháu. Do đó tiếp tục giao hai cháu D và H cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc chị C phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBNTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Cho chị Phan Thị Ngọc Cẩm được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Hoai.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh D, sinh ngày 21/01/2007 và Nguyễn Ngọc Khánh H, sinh ngày 11/10/2012 cho anh Nguyễn Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị C có quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6.Về án phí: Buộc chị Phan Thị Ngọc C nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Chị C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001246 ngày 18/01/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày sau ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Long Hồ;
-CC THADS huyện Long Hồ;
-Ủy ban nhân dân xã N
-Các đương sự trong vụ án;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Bằng